

**VN-Index** **1352.04 (0.39%)**

909 Tr. cổ phiếu 22362.2 Tỷ VND (18.90%)

**HNX-Index** **227.56 (-0.28%)**

81 Tr. cổ phiếu 1505.2 Tỷ VND (-0.15%)

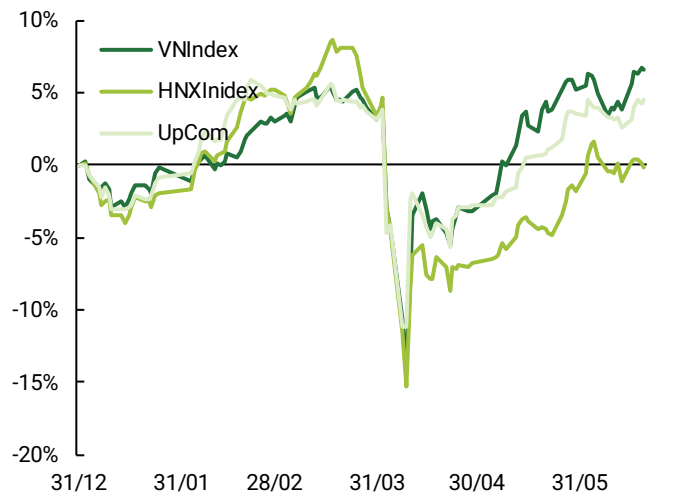
**UPCOM-Index** **99.13 (-0.18%)**

27 Tr. cổ phiếu 431.6 Tỷ VND (-16.86%)

**VN30F1M** **1424.20 (0.01%)**

141,550 HD OI: 25,836 HD

### % Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Áp lực bán gia tăng hơn trong phiên chiều nhưng chỉ số đã trụ vững và kết phiên duy trì trên ngưỡng 1345 điểm. Chứng khoán toàn cầu phục hồi trong bối cảnh **Tổng thống Mỹ Donald Trump cho biết sẽ đưa ra quyết định trong hai tuần tới về việc có tấn công Iran hay không**. Thị trường trước đó lo ngại rằng Hoa Kỳ có thể tham chiến cùng Israel trong tuần này. Cố vấn chính sách đối ngoại hàng đầu của Điện Kremlin Yuri Ushakov hôm 19/06 cho biết Tổng thống Vladimir Putin đã điện đàm trong gần một giờ với Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, cùng lên án Israel vì tấn công Iran và nhấn mạnh cần tìm giải pháp ngoại giao cho xung đột.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Thanh khoản tăng so với phiên trước, song vẫn thấp hơn mức bình quân 20 phiên. Độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Nhóm Ngân hàng trở lại vai trò trụ cột, với sự đồng thuận tốt hơn, dù vậy, mức tăng cũng bị thu hẹp một phần về cuối phiên. **Dòng tiền tiếp tục luân chuyển và tìm đến những nhóm cổ phiếu nền giá thấp**, với chiều tăng nổi bật ghi nhận ở nhóm Thủy sản, Dệt may. Ngược lại, nhóm Bất động sản, trong đó đã giảm từ nhóm Vingroup chi phối lớn, bên cạnh nhóm Dầu khí, Hóa chất, Viễn thông, cũng cho phản ứng kém. Về mặt điểm số, góp phần vào lực kéo là đà tăng từ MBB, VCB, CTG, trong khi, VIC, VHM, GAS, kim hãm. Khối ngoại quay lại bán ròng 572,8 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VIC, VHM, FPT.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- Phiên nay cũng là ngày các Quỹ ETF cơ cấu và hoạt động diễn ra không quá bất thường trong phiên ATC. Vol tăng mạnh một phần đến từ hoạt động này, chưa phản ánh lực cung đột biến. **VN-Index** đóng cửa che phủ một phần nền tăng trước đó, không quá tiêu cực. Tuy nhiên, nếu các phiên tới xuất hiện thêm các nền đỏ phủ định khu vực 1340 điểm sẽ phát tín hiệu rủi ro điều chỉnh, và có khả năng tạo đỉnh thứ 2 đi xuống. Trường vận động vẫn duy trì trên ngưỡng 1330 - 1340 điểm sẽ mang tính chất củng cố.
- **Đối với HNX-Index**, nỗ lực phục hồi tiếp tục gặp khó khăn và chỉ số vẫn kết phiên trong sắc đỏ với mẫu hình nền Spinning top lưỡng lự. Vận động có lẽ tiếp tục tích lũy trong khu vực 225-230.
- **Chiến lược chung:** Nằm giữ, duy trì tài khoản ở tỷ lệ trung bình. Với khẩu vị rủi ro cao, có thể dành thêm một phần tỷ trọng tham gia các vị thế lướt sóng ngắn hạn theo dòng tiền. Các nhóm ưu tiên chú ý là Ngân hàng, Dầu khí, Bán lẻ, Tiện ích.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Bán SAS (Xem tiếp tại trang 7)

Phái sinh (trang 9)

Nhận định thị trường | 1

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số               | Giá đóng cửa |        |        |        | % Thay đổi |                |                    |                     | Giá trị giao dịch (Tỷ VND) | % Biến động giá trị giao dịch so với |                |                    | Khối lượng giao dịch (Triệu CP) | % Biến động khối lượng giao dịch so với |  |  |
|----------------------|--------------|--------|--------|--------|------------|----------------|--------------------|---------------------|----------------------------|--------------------------------------|----------------|--------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|--|--|
|                      |              | (%) 1D | (%) 1W | (%) 1M |            | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |                            |                                      | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần |                                 | Trung bình 01 tháng                     |  |  |
| Theo chỉ số          |              |        |        |        |            |                |                    |                     |                            |                                      |                |                    |                                 |                                         |  |  |
| VN-Index             | 1,349.4 ▼    | -0.2%  | 2.6%   | 2.6%   | 22,362.2 ▲ | 18.90%         | -17.9%             | -3.4%               | 909.2 ▲                    | 9.1%                                 | -25.0%         | -5.3%              |                                 |                                         |  |  |
| HNX-Index            | 227.1 ▼      | -0.2%  | 1.0%   | 4.3%   | 1,303.0 ▼  | -13.6%         | -53.7%             | 43.4%               | 70.6 ▼                     | -13.3%                               | -56.6%         | 19.8%              |                                 |                                         |  |  |
| UPCOM-Index          | 99.4 ▬       | 0.3%   | 1.9%   | 3.9%   | 556.4 ▲    | 7.2%           | -46.8%             | -13.8%              | 65.2 ▲                     | 144.1%                               | -27.8%         | 12.7%              |                                 |                                         |  |  |
| VN30                 | 1,435.2 ▼    | -0.3%  | 2.4%   | 2.0%   | 12,009.1 ▲ | 41.0%          | -3.2%              | -5.4%               | 368.9 ▲                    | 39.0%                                | -12.3%         | -10.0%             |                                 |                                         |  |  |
| VNMID                | 1,956.2 ▬    | 0.3%   | 2.6%   | 4.9%   | 7,218.6 ▼  | -7.1%          | -34.9%             | -3.9%               | 306.9 ▼                    | -15.7%                               | -43.6%         | -15.4%             |                                 |                                         |  |  |
| VNSML                | 1,449.2 ▬    | 0.2%   | 1.1%   | 3.1%   | 2,085.7 ▲  | 21.4%          | -18.0%             | 13.9%               | 111.9 ▲                    | 14.5%                                | -35.2%         | 5.1%               |                                 |                                         |  |  |
| Theo ngành (VNIndex) |              |        |        |        |            |                |                    |                     |                            |                                      |                |                    |                                 |                                         |  |  |
| Ngân hàng            | 534.2 ▬      | 0.6%   | 2.7%   | 3.2%   | 7,019.9 ▲  | 56.6%          | 18.8%              | 21.2%               | 299.5 ▲                    | 51.9%                                | 13.2%          | 10.8%              |                                 |                                         |  |  |
| Bất động sản         | 380.2 ▼      | -1.6%  | 2.0%   | 9.9%   | 4,323.8 ▲  | 40.6%          | 21.6%              | 1.8%                | 159.2 ▲                    | 5.3%                                 | -13.7%         | -21.4%             |                                 |                                         |  |  |
| Dịch vụ tài chính    | 251.8 ▬      | 0.3%   | 0.0%   | 2.7%   | 1,932.1 ▲  | 30.8%          | -13.0%             | -34.4%              | 100.1 ▲                    | 13.3%                                | -22.4%         | -41.5%             |                                 |                                         |  |  |
| Công nghiệp          | 213.6 ▬      | 0.7%   | -0.7%  | 4.3%   | 1,393.8 ▲  | 34.5%          | 18.7%              | -7.6%               | 41.0 ▲                     | 34.7%                                | 18.9%          | -4.7%              |                                 |                                         |  |  |
| Tài nguyên cơ bản    | 453.1 ▬      | 0.2%   | 0.3%   | 4.3%   | 849.6 ▲    | 3.6%           | -24.0%             | -24.3%              | 38.1 ▲                     | 2.6%                                 | -26.3%         | -31.3%             |                                 |                                         |  |  |
| Xây dựng - Vật Liệu  | 163.6 ▼      | -0.1%  | -0.6%  | 0.8%   | 968.0 ▲    | 40.9%          | -7.3%              | -27.5%              | 49.2 ▲                     | 41.0%                                | -3.2%          | -28.1%             |                                 |                                         |  |  |
| Thực phẩm            | 499.2 ▬      | 0.9%   | 0.9%   | 3.6%   | 2,175.9 ▼  | -18.5%         | 25.1%              | 36.6%               | 59.3 ▼                     | -56.9%                               | -3.8%          | 16.1%              |                                 |                                         |  |  |
| Bán Lẻ               | 1,229.4 ▼    | 0.0%   | 1.1%   | 3.5%   | 627.5 ▼    | -31.5%         | -23.1%             | -25.1%              | 10.2 ▼                     | -40.6%                               | -30.6%         | -31.0%             |                                 |                                         |  |  |
| Công nghệ            | 530.4 ▬      | 0.1%   | -0.8%  | -0.7%  | 867.5 ▲    | 3.1%           | -7.4%              | 4.5%                | 17.4 ▲                     | 99.9%                                | 15.6%          | 44.8%              |                                 |                                         |  |  |
| Hóa chất             | 171.2 ▼      | -1.5%  | 5.1%   | 10.0%  | 717.1 ▼    | -39.3%         | -39.7%             | -10.8%              | 17.6 ▼                     | -40.6%                               | -41.0%         | -19.6%             |                                 |                                         |  |  |
| Tiện ích             | 668.2 ▼      | -1.8%  | 6.7%   | 9.5%   | 413.9 ▼    | -22.0%         | -19.4%             | -5.8%               | 19.9 ▼                     | -5.7%                                | 0.0%           | -2.8%              |                                 |                                         |  |  |
| Dầu khí              | 63.6 ▼       | -1.6%  | 9.5%   | 12.2%  | 293.7 ▼    | -14.8%         | -51.8%             | -12.0%              | 13.3 ▼                     | -8.8%                                | -49.5%         | -13.6%             |                                 |                                         |  |  |
| Dược phẩm            | 419.7 ▬      | 0.2%   | 0.5%   | 1.5%   | 106.7 ▲    | 159.6%         | 1.3%               | 35.1%               | 4.7 ▲                      | 109.8%                               | -1.5%          | 13.2%              |                                 |                                         |  |  |
| Bảo hiểm             | 83.2 ▼       | -1.1%  | 2.5%   | 5.7%   | 34.0 ▲     | 107.4%         | 13.0%              | -1.3%               | 0.9 ▲                      | 95.7%                                | 6.1%           | -1.2%              |                                 |                                         |  |  |

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số              | Thị trường  | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá |        | Chỉ số định giá |      |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
|                     |             |              | 1 ngày         | YTD    | P/E             | P/B  |
| VN-Index            | Việt Nam    | 1,349.4 ▼    | -0.2%          | 6.5%   | 13.8x           | 1.7x |
| SET-Index           | Thái Lan    | 1,068 ▼      | -0.1%          | -23.8% | 13.4x           | 1.0x |
| JCI-Index           | Indonesia   | 6,907 ▼      | -0.9%          | -2.4%  | 16.5x           | 1.9x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia    | 11,229 ▬     | 0.05%          | -10.8% | 14.2x           | 1.3x |
| PSEi Index          | Phillipines | 6,340 ▼      | -0.3%          | -2.9%  | 11.0x           | 1.4x |
| Shanghai Composite  | Trung Quốc  | 3,360 ▼      | -0.1%          | 0.2%   | 17.3x           | 1.4x |
| Hang Seng           | Hồng Kông   | 23,530 ▲     | 1.3%           | 17.3%  | 11.1x           | 1.3x |
| Nikkei 225          | Nhật Bản    | 38,403 ▼     | -0.2%          | -3.7%  | 17.8x           | 2.0x |
| S&P 500             | Mỹ          | 5,981        | -              | 1.7%   | 25.4x           | 5.1x |
| Dow Jones           | Mỹ          | 42,172       | -              | -0.9%  | 22.4x           | 5.3x |
| FTSE 100            | Anh         | 8,832 ▼      | -0.1%          | 8.1%   | 13.2x           | 2.0x |
| Euro Stoxx 50       | Châu Âu     | 5,238 ▼      | -0.6%          | 7.0%   | 15.5x           | 2.0x |
|                     |             |              |                |        |                 |      |
| DXV                 |             | 99 ▼         | -0.3%          | -9.1%  |                 |      |
| USDVND              |             | 26,131 ▬     | 0.1%           | 2.5%   |                 |      |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

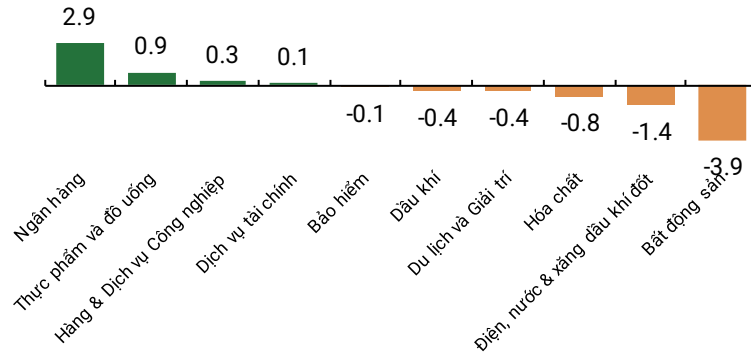
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa      |   | % Thay đổi giá |       |        |        |
|---------------------------|---|----------------|-------|--------|--------|
|                           |   | 1D             | 1M    | % YTD  | % YoY  |
| Dầu Brent                 | ▼ | -2.2%          | 17.9% | 3.3%   | -10.0% |
| Dầu WTI                   | ▬ | 0.7%           | 21.0% | 5.5%   | -7.9%  |
| Khí gas                   | ▲ | 2.9%           | 19.8% | 13.0%  | 49.7%  |
| Than cốc (*)              | ▬ | 0.0%           | -9.2% | -26.1% | -38.0% |
| Thép HRC (*)              | ▬ | 0.1%           | -3.0% | -7.7%  | -14.7% |
| PVC (*)                   | ▬ | 0.0%           | -1.8% | -6.3%  | -19.8% |
| Phân Urea (*)             | ▲ | 1.8%           | 5.2%  | 8.9%   | 19.6%  |
| Cao su thiên nhiên        | ▼ | -2.4%          | -6.5% | -18.3% | -6.9%  |
| Bông Cotton               | ▼ | -0.8%          | -2.7% | -5.9%  | -9.2%  |
| Đường                     | ▲ | 1.4%           | -7.1% | -16.4% | -14.7% |
| World Container Index     | ▼ | -7.5%          | 46.8% | -13.8% | -35.9% |
| Baltic Dirty tanker Index | ▲ | 12.1%          | 5.2%  | 12.2%  | -14.6% |
|                           |   |                |       |        |        |
| Vàng                      | ▼ | -0.4%          | 2.0%  | 27.9%  | 42.2%  |
| Bạc                       | ▼ | -1.6%          | 9.2%  | 25.0%  | 17.5%  |

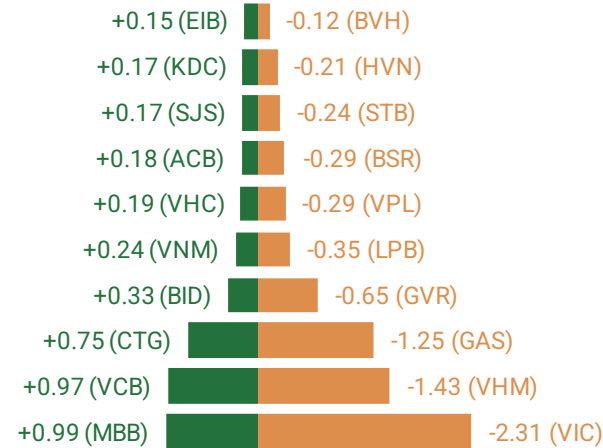
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

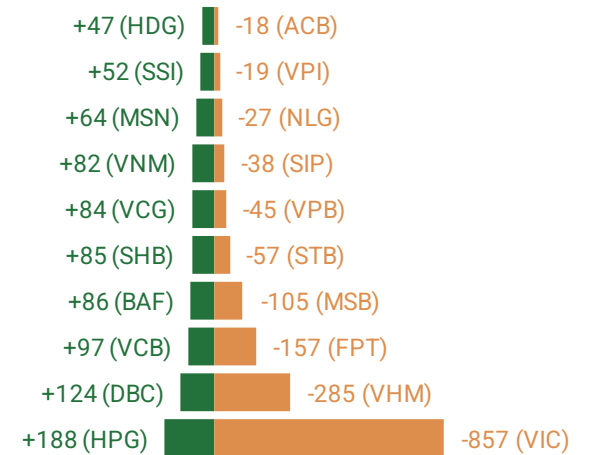


### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

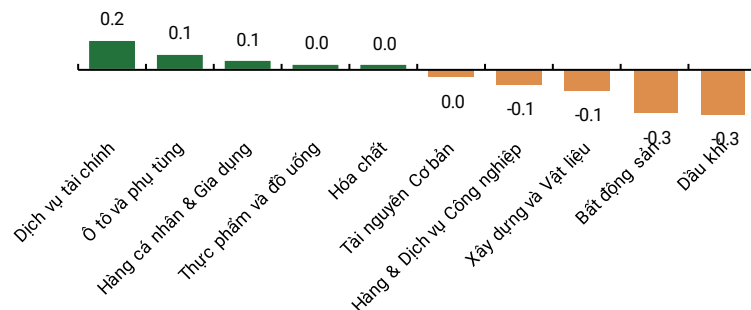


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

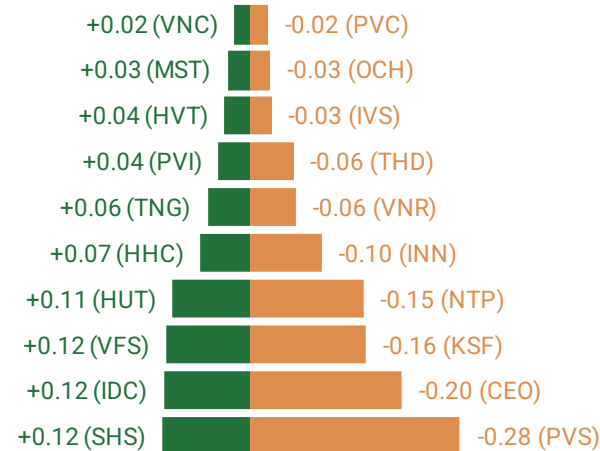
### TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



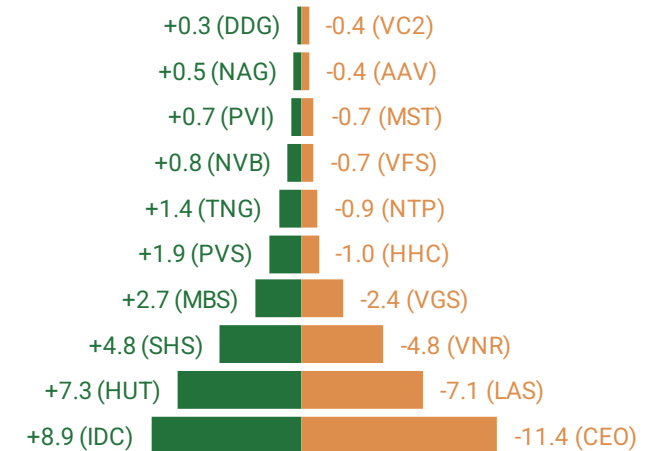
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



|         | MBB   | VIC   | SHB  | HPG  | VHM   |
|---------|-------|-------|------|------|-------|
| %DoD    | 2.8%  | -2.9% | 0.8% | 0.4% | -2.1% |
| Giá trị | 1,317 | 1,185 | 776  | 632  | 629   |

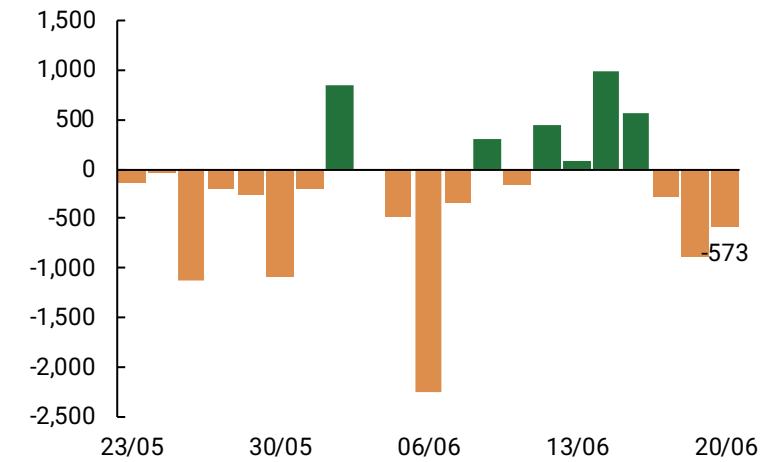
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



|         | MSN  | TCB  | SGT  | FPT  | STB   |
|---------|------|------|------|------|-------|
| %DoD    | 0.0% | 0.0% | 0.0% | 0.1% | -1.2% |
| Giá trị | 352  | 212  | 170  | 151  | 128   |

## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



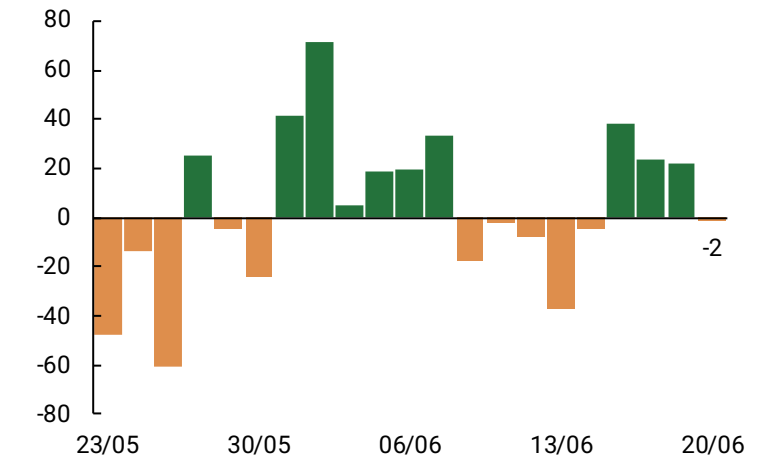
|         | PVS   | CEO   | VFS  | SHS  | IDC  |
|---------|-------|-------|------|------|------|
| %DoD    | -2.3% | -1.6% | 3.5% | 0.8% | 1.0% |
| Giá trị | 374   | 168   | 117  | 106  | 62   |

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



|         | BAB  | NAG   | TDT  | PGN  | AAV   |
|---------|------|-------|------|------|-------|
| %DoD    | 0.0% | -0.7% | 1.5% | 0.0% | -1.5% |
| Giá trị | 30   | 1     | 1    | 0    | 0     |

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến đỏ che phủ gần ½ nến tăng phiên trước, vol thấp.
- ✓ Hỗ trợ: 1280 - 1300.
- ✓ Kháng cự: 1350 - 1360.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện
- ✓ Xu hướng: Kiểm định đỉnh cũ

**Kịch bản:** Vận động giằng co chiếm thế chủ đạo. Dù vậy, lực cung bắt đầu có dấu hiệu chi phối hơn khi giá tiếp cận vùng cao. **Nếu xuất hiện thêm nến đỏ đóng cửa thấp hơn ngưỡng 1330 điểm, khả năng chỉ số sẽ quay lại nhịp điều chỉnh** và có thể tìm về mốc 1300. Trường hợp vận động vẫn giữ trên khu vực 1330 – 1340 điểm sẽ nghiêng về tích lũy củng cố xu hướng.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ che phủ hơn ½ nến tăng phiên trước, vol thấp.
- ✓ Hỗ trợ: 1375 - 1400.
- ✓ Kháng cự: 1440.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định đỉnh cũ.

➔ Nỗ lực tăng điểm khỏi khu vực đỉnh cũ tiếp tục gặp khó khăn. Nhóm Vingroup hiện đang là nguyên nhân kéo giảm mức giảm chung của rổ chỉ số. Dù vậy, thanh khoản chưa gia tăng quá mạnh cho thấy xu hướng vẫn cân bằng. **Hỗ trợ ngắn hạn duy trì động lượng quanh 1420 điểm.**

| STOCK    |          | STRATEGY | Technical     |  |        | Financial Ratio  |         |        |
|----------|----------|----------|---------------|--|--------|------------------|---------|--------|
| Ticker   | SAS      | SELL     | Current price |  | 43.47  | P/E (x)          | 11.7    |        |
| Exchange | UPCoM    |          | Action price  |  | 43.3   | 0.4%             | P/B (x) | 3.0    |
| Sector   | Industry |          | Selling price |  | (23/6) | 43.47            | EPS     | 3721.1 |
|          |          |          |               |  |        |                  | ROE     | 31.0%  |
|          |          |          |               |  |        | Stock Rating     | A       |        |
|          |          |          |               |  |        | Scale Market Cap | Medium  |        |



### TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá giảm thấp hơn MA20-ngày.
  - Chỉ báo MACD đã cắt xuống đường signal và có xu hướng mở rộng, trong khi RSI giảm về dưới mức 50, phản ánh động lượng suy yếu.
- ➔ Nhịp điều chỉnh khả năng tiếp tục. Mặc dù có thể nhận được lực đỡ từ khu vực hỗ trợ 42-43, nhưng rủi ro sẽ lớn hơn nếu sập gãy, dễ tìm về vùng giá thấp.
- ➔ KN bán ra quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên, tránh rủi ro điều chỉnh sâu.

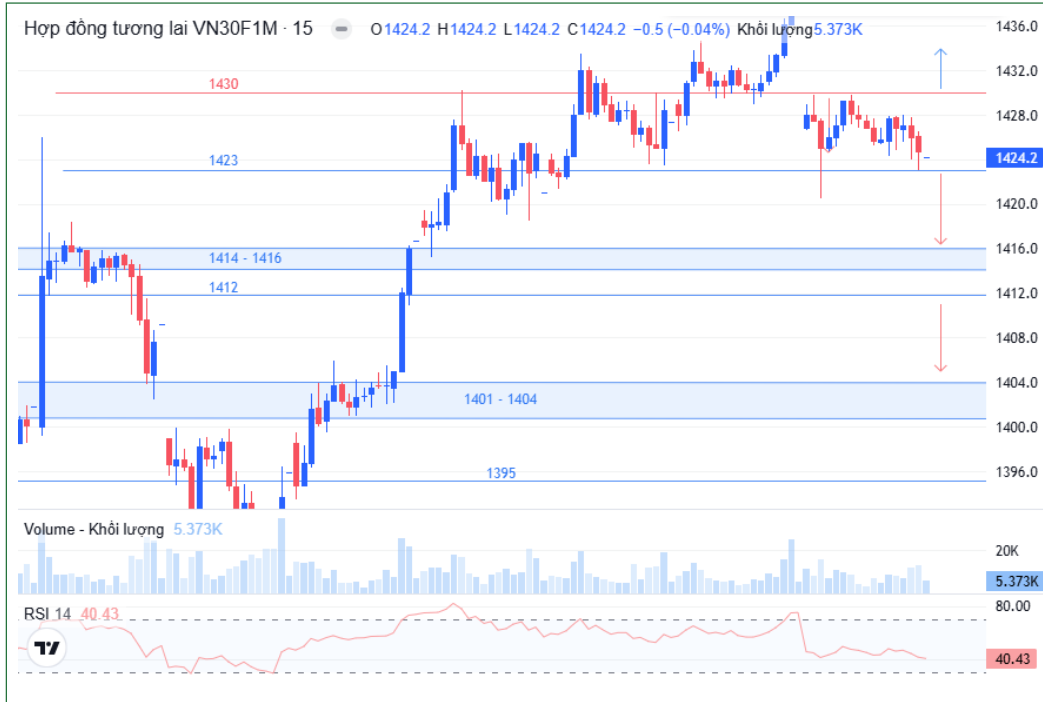
### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú         |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|-----------------|
| 1   | SAS   | Bán         | 23/06/2025       | 43.5         | 43.30         | 0.4%           | 50.0         | 15.5%      | 40         | -7.6%      | Đà tăng suy yếu |

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú                        |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|--------------------------------|
| 1   | POW   | Nắm giữ     | 13/06/2025       | 13.05        | 12.9          | 1.2%           | 14.5         | 12.4%      | 12.5       | -3.1%      | Nâng cắt lỗ 12.5               |
| 2   | MSB   | Mua         | 28/05/2025       | 12.05        | 11.70         | 3.0%           | 13.5         | 15.4%      | 11         | -6.0%      |                                |
| 3   | DGW   | Nắm giữ     | 20/06/2025       | 44.50        | 37.10         | 19.9%          | 42           | 13.2%      | 41         | 11%        | Chốt lời chủ động khi giá < 41 |
| 4   | FPT   | Mua         | 12/06/2025       | 116.10       | 116.9         | -0.7%          | 129          | 10.4%      | 112        | -4%        |                                |
| 5   | HPG   | Mua         | 17/06/2025       | 27.00        | 26.75         | 0.9%           | 30           | 12.1%      | 25         | -7%        |                                |
| 6   | DCM   | Mua         | 18/06/2025       | 36.40        | 36.35         | 0.1%           | 40           | 10%        | 34         | -6%        |                                |
| 7   | BVH   | Mua         | 18/06/2025       | 50.60        | 51.7          | -2.1%          | 58           | 12.2%      | 48         | -7%        |                                |
| 8   | PVS   | Mua         | 20/06/2025       | 34.70        | 35.5          | -2.3%          | 40           | 13%        | 33         | -7%        |                                |





### Tín hiệu kỹ thuật

- Ở đồ thị 15 phút, hợp đồng 411F7000 chỉ phục hồi nhẹ đầu phiên và mất đà khi tiếp cận vùng cản 1430. Giao dịch gần như trong trạng thái giằng co đi ngang sau đó.
- Chỉ báo RSI hạ nhiệt về dưới mức 50 trong khi MACD đã cắt xuống đường signal, củng cố thêm cho áp lực điều chỉnh. Ở khung đồ thị 1h, các chỉ báo kỹ thuật cũng đồng thuận và cho trạng thái suy yếu. Nhịp điều chỉnh kỹ thuật có khả năng tiếp diễn các phiên tới.
- Vị thế Short tham gia khi giá tiếp tục giảm thấp hơn ngưỡng 1423, có thể gia tăng thêm Short nếu giá có dấu hiệu phá vỡ ngưỡng 1412. Vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá khỏi ngưỡng cản 1430, sẽ xác nhận chiều hướng đi lên.

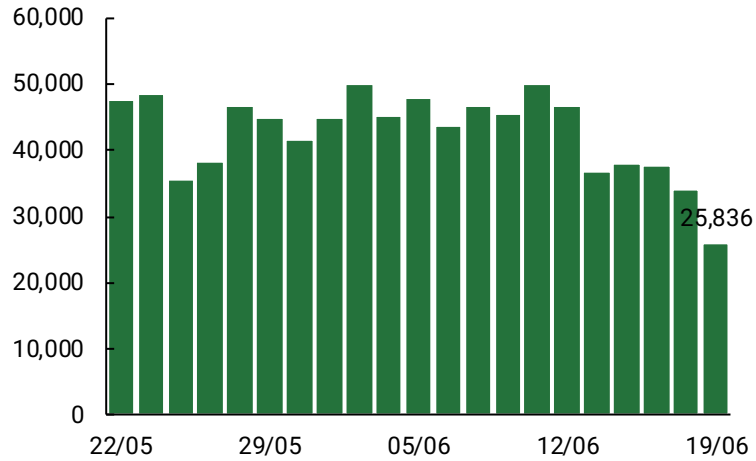
### Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/<br>Rủi ro |
|--------|----------|----------|--------|----------------------|
| Short  | <1423    | 1414     | 1427   | 9 : 4                |
| Short  | <1412    | 1403     | 1416   | 9 : 4                |
| Long   | >1430    | 1438     | 1426   | 8 : 4                |

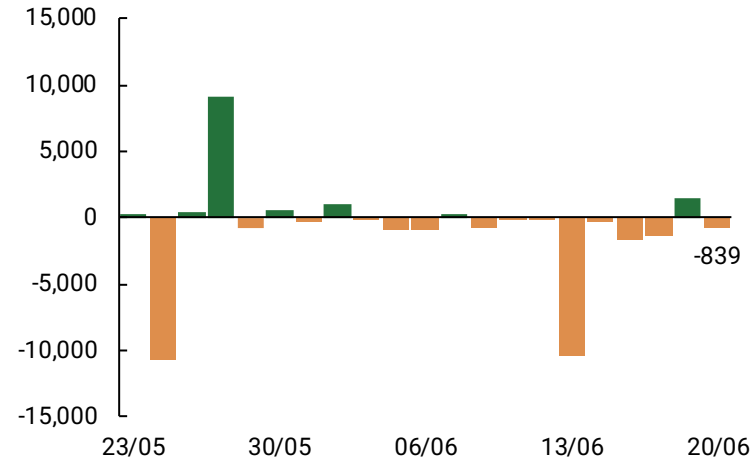
### Thông kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi<br>(điểm) | KL giao dịch | KL Mở  | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh<br>toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|--------------------|--------------|--------|---------------|------------|--------------------|-------------------------|
| VN30 Index  | 1,435.2      | -4.1               |              |        |               |            |                    |                         |
| 411F7000    | 1,424.2      | 0.2                | 141,550      | 25,836 | 1,436.1       | -11.9      | 17/07/2025         | 27                      |
| 411F8000    | 1,424.4      | -15.5              | 245          | 0      | 1,437.3       | -12.9      | 21/08/2025         | 62                      |
| VN30F2509   | 1,417.5      | -1.6               | 1,282        | 904    | 1,438.2       | -20.7      | 18/09/2025         | 90                      |
| VN30F2512   | 1,417.4      | 1.3                | 36           | 617    | 1,441.3       | -23.9      | 18/12/2025         | 181                     |

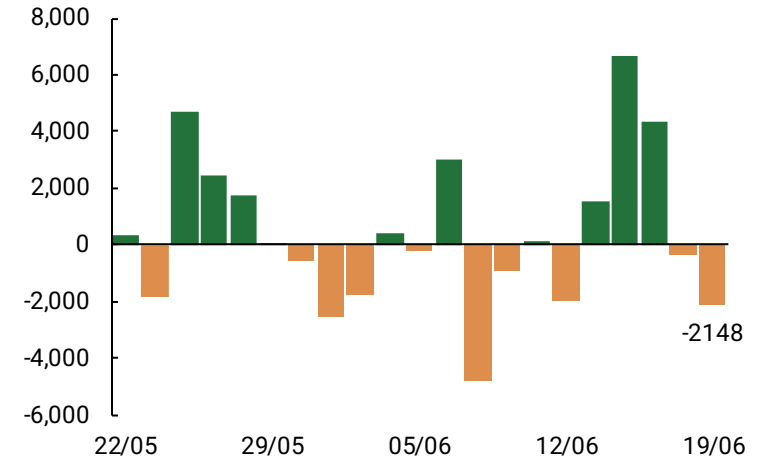
**Khối lượng mở (Open interest)**



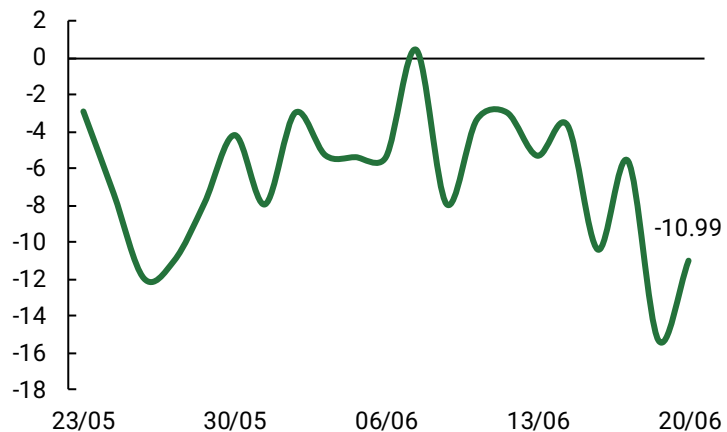
**Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)**



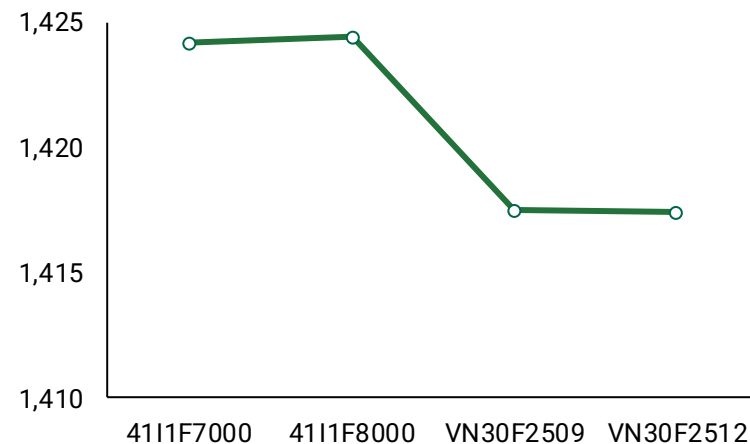
**Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)**



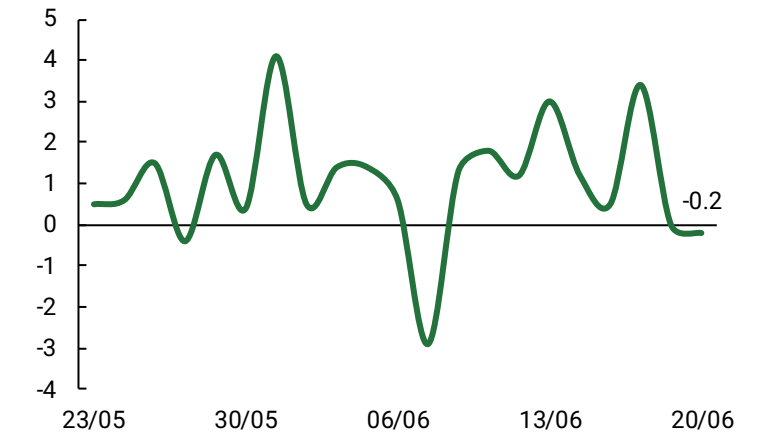
**Basis hợp đồng tương lai**



**Đường cong hợp đồng tương lai**



**VN30F1M – VN30F2M**



| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| EVF   | 10,200  | 14,400       | 41.2%               | Mua           |
| VCG   | 21,350  | 23,518       | 10.2%               | Tăng tỷ trọng |
| DGC   | 96,800  | 102,300      | 5.7%                | Nắm giữ       |
| MWG   | 64,100  | 66,700       | 4.1%                | Nắm giữ       |
| HHV   | 12,200  | 13,500       | 10.7%               | Tăng tỷ trọng |
| TCM   | 30,500  | 43,818       | 43.7%               | Mua           |
| AST   | 63,700  | 64,300       | 0.9%                | Nắm giữ       |
| DGW   | 44,500  | 48,000       | 7.9%                | Nắm giữ       |
| DBD   | 56,500  | 68,000       | 20.4%               | Mua           |
| HAH   | 70,000  | 61,200       | -12.6%              | Bán           |
| PNJ   | 79,600  | 111,700      | 40.3%               | Mua           |
| HPG   | 27,000  | 32,400       | 20.0%               | Tăng tỷ trọng |
| DRI   | 12,762  | 15,100       | 18.3%               | Tăng tỷ trọng |
| DPR   | 39,050  | 43,500       | 11.4%               | Tăng tỷ trọng |
| VNM   | 56,600  | 70,400       | 24.4%               | Mua           |
| STB   | 46,600  | 38,800       | -16.7%              | Bán           |
| ACB   | 21,450  | 26,650       | 24.2%               | Mua           |
| MBB   | 25,800  | 31,100       | 20.5%               | Mua           |
| MSB   | 12,050  | 13,600       | 12.9%               | Tăng tỷ trọng |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| SHB   | 13,100  | 11,900       | -9.2%               | Giảm tỷ trọng |
| TCB   | 34,000  | 30,700       | -9.7%               | Giảm tỷ trọng |
| TPB   | 13,350  | 19,700       | 47.6%               | Mua           |
| VIB   | 18,100  | 22,900       | 26.5%               | Mua           |
| VPB   | 18,450  | 24,600       | 33.3%               | Mua           |
| CTG   | 41,300  | 42,500       | 2.9%                | Nắm giữ       |
| HDB   | 22,150  | 28,000       | 26.4%               | Mua           |
| VCB   | 57,100  | 69,900       | 22.4%               | Mua           |
| BID   | 36,000  | 41,300       | 14.7%               | Tăng tỷ trọng |
| LPB   | 31,900  | 28,700       | -10.0%              | Bán           |
| MSH   | 37,450  | 58,500       | 56.2%               | Mua           |
| IDC   | 41,400  | 72,000       | 73.9%               | Mua           |
| SZC   | 33,200  | 49,500       | 49.1%               | Mua           |
| BCM   | 58,600  | 80,000       | 36.5%               | Mua           |
| SIP   | 63,900  | 88,000       | 37.7%               | Mua           |
| IMP   | 51,600  | 50,600       | -1.9%               | Giảm tỷ trọng |
| VHC   | 57,600  | 83,900       | 45.7%               | Mua           |
| ANV   | 17,450  | 17,200       | -1.4%               | Giảm tỷ trọng |
| FMC   | 36,800  | 50,300       | 36.7%               | Mua           |

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Tín dụng đạt đỉnh 134% GDP, Thống đốc kiến nghị mở rộng các kênh vốn khác cho tăng trưởng:** Trong phiên chất vấn tại Quốc hội ngày 19/06, Thống đốc Nguyễn Thị Hồng lưu ý rằng vốn đầu tư trong nước phụ thuộc lớn vào tín dụng ngân hàng, kể cả vốn trung và dài hạn. Vì vậy, để tránh rủi ro cho nền kinh tế, cần hướng đến mở rộng các kênh vốn khác. Thống đốc cũng đề cập đến chính sách hỗ trợ lãi suất 2% cho vay vốn thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn ESG theo Nghị quyết 168 của Bộ Chính trị. Gói hỗ trợ này sử dụng nguồn từ ngân sách nhà nước.

**Kiên Giang cấp phép 3 dự án hơn 90.000 tỷ đồng cho Sun Group:** UBND tỉnh Kiên Giang vừa chấp thuận cho Tập đoàn Sun Group đầu tư ba dự án quy mô 90.000 tỷ tại TP Phú Quốc, nhằm phục vụ hội nghị APEC 2027. Trong đó, khu đô thị hỗn hợp Bãi Đất Đỏ có quy mô lớn nhất với tổng vốn lên đến 64.000 tỷ. Dự án được quy hoạch tích hợp công viên, bãi tắm, quảng trường, trung tâm hội nghị và chuỗi khách sạn cao cấp, là nơi lưu trú và tổ chức sự kiện chính phục vụ APEC 2027.

**Ông Trump sẽ đưa ra quyết định với Iran trong hai tuần tới:** Theo chia sẻ của phát ngôn viên Nhà Trắng Karoline Leavitt, Tổng thống Mỹ Donald Trump sẽ quyết định trong hai tuần tới về việc có tấn công Iran hay không, trong bối cảnh Israel đã tấn công nhiều cơ sở hạt nhân của Iran hơn và cảnh báo cuộc tấn công có thể lật đổ giới lãnh đạo ở Tehran. Trước đó, vị tổng thống từng phát đi một số thông điệp cứng rắn, bao gồm yêu cầu người dân Tehran phải sơ tán.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**PVS - DN dầu khí Việt Nam xuất khẩu 33 chân đế điện gió ngoài khơi cho đối tác Đan Mạch:** Sáng ngày 16/6/2025, Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) cùng Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) đã tổ chức Lễ gắn biển công trình, sản phẩm chào mừng Đại hội Đảng bộ Tập đoàn lần thứ IV, ghi dấu sự kiện hoàn thành bàn giao 33 chân đế điện gió ngoài khơi xuất khẩu. Dự án chế tạo 33 chân đế điện gió cho khách hàng Ørsted (Đan Mạch) triển khai từ đầu năm 2023, giá trị ước tính khoảng 300 triệu USD.

**KLB - Kienlongbank tổ chức đại hội bất thường 2025, đề xuất chia cổ tức 60% bằng cổ phiếu:** Ngân hàng dự kiến sẽ tổ chức ĐHCD bất thường vào tháng 7/2025 theo hình thức trực tuyến, nhằm thông qua một số báo cáo, tờ trình quan trọng bao gồm điều chỉnh phương án phân phối lợi nhuận năm 2024; phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức và sửa đổi, bổ sung điều lệ hoạt động của Ngân hàng. Đáng chú ý, Kienlongbank dự kiến sẽ trình Đại hội thông qua phương án chi cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 60%. Qua đó, Ngân hàng sẽ tăng vốn điều lệ từ 3.652 tỷ đồng lên mức 5.822 tỷ đồng.

**HUT - Tasco chốt ngày chào bán hơn 178,5 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:** Công ty vừa có văn bản thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu của công ty. Cụ thể, doanh nghiệp dự kiến chào bán hơn 178,5 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5:1. Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền là ngày 30/6/2025. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu từ ngày 7/7/2025 đến ngày 20/8/2025.

- 02/06 Việt Nam & Mỹ – Chỉ số PMI  
MSCI thực hiện cơ cấu danh mục
- 05/06 EU – ECB công bố lãi suất
- 06/06 Việt Nam – Số liệu kinh tế vĩ mô tháng 5 và 5 tháng  
FTSE công bố danh mục  
Mỹ – Bảng lương phi nông nghiệp
- 11/06 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 5
- 12/06 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất PPI tháng 5
- 13/06 Việt Nam - Vaneck công bố danh mục
- 17/06 Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 19/06 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành  
Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 20/06 Việt Nam – Quỹ ETF liên quan Vaneck và FTSE thực hiện tái cơ cấu danh mục
- 26/06 Mỹ - Công bố số cuối cùng GDP
- 27/06 Mỹ - Chỉ số giá PCE lõi

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415